

ÔN TẬP HỌC KÌ I – ĐỊA LÍ 9

I. Địa lí dân cư.

- Người Kinh chiếm hơn 86% tổng số dân cả nước, phân bố chủ yếu ở đồng bằng, trung du.
- Các dân tộc ít người phân bố ở miền núi.
- Số dân: 2016 Việt Nam có 96,7 triệu người.
- Dân số Việt Nam tăng nhanh từ những năm 50 của thế kỷ XX, hiện nay tỉ lệ gia tăng tự nhiên đang giảm nhanh
- Cơ cấu dân số nước ta trẻ nhưng đang già đi, tỉ số giới tính ngày càng tăng.
- Dân cư phân bố không đồng đều: Đông đúc ở đồng bằng, đô thị, thưa thớt ở miền núi.
- Tỉ lệ dân thành thị tăng
- Nguồn lao động dồi dào, chất lượng đang tăng lên. Vấn đề việc làm đang là vấn đề gay gắt

II. Địa lí kinh tế.

1. Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành: giảm tỉ trọng nông lâm ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ
- Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp, các vùng tập trung công nghiệp, dịch vụ, các vùng kinh tế trọng điểm
- Cơ cấu thành phần kinh tế: chuyển dịch từ khu vực nhà nước sang khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Địa lí các ngành kinh tế.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
 - Công nghiệp
 - Dịch vụ
- } - Các nhân tố ảnh hưởng
- Tình hình phát triển
- Phân bố

a. Nông nghiệp.

- Các nhân tố ảnh hưởng:
- + Các nhân tố tự nhiên: Địa hình-đất, khí hậu, nước, sinh vật.
- + Các nhân tố kinh tế xã hội: dân cư lao động, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, vốn, thị trường, chính sách.

- Các ngành:

+ Nông nghiệp:

. Trồng trọt (cây lương thực, cây công nghiệp...)

. Chăn nuôi: trâu, bò, lợn, gia cầm.

+ Lâm nghiệp

+ Thủy sản: điều kiện phát triển, thực trạng (khai thác, nuôi trồng)

b. Công nghiệp.

- Các nhân tố ảnh hưởng:
- + Các nhân tố tự nhiên: khoáng sản, thủy năng, các nhân tố khác (địa hình-đất, khí hậu, nước, sinh vật, biển).
- + Các nhân tố kinh tế xã hội: dân cư lao động, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, vốn, thị trường, chính sách.

- Các ngành công nghiệp trọng điểm: khai thác nhiên liệu, sản xuất điện, cơ khí-điện tử, hóa chất, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất dệt may.

Các trung tâm công nghiệp phân bố tập trung chủ yếu ở các đô thị, các thành phố lớn.

c. Dịch vụ.

+ Cơ cấu đa dạng: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, giáo dục, y tế, ngân hàng, bảo hiểm, tài chính...

+ Giao thông vận tải phát triển đủ các loại hình đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không, đường biển, đường ống

+ Bưu chính viễn thông: ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng viễn thông nhanh nhất thế giới

+ Thương mại: nội thương, ngoại thương: tăng về giá trị, thị trường ngày càng mở rộng.

+ Du lịch.

III. Địa lí vùng kinh tế (Sự phân hóa lãnh thổ).

- | | | |
|---|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng sông Hồng - Vùng Bắc Trung Bộ - Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - Vùng Tây Nguyên | } | <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, lãnh thổ - Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên - Điều kiện dân cư xã hội - Tình hình kinh tế - Các trung tâm kinh tế |
|---|---|---|

LẬP BẢNG: ĐẶC ĐIỂM CÁC VÙNG KINH TẾ

Vùng Đặc điểm	Trung du miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên
<i>Vị trí, lãnh thổ</i>	- Phía Bắc, giáp Trung Quốc, Lào và ĐBSH. - Rộng lớn => Ý nghĩa về giao lưu kinh tế và quốc phòng.	- Giáp Trung du MNBB, BTB, vịnh Bắc Bộ. => vị trí thuận lợi cho giao lưu kinh tế	- Vị trí trung chuyển Bắc – Nam, đường bờ biển dài, vùng núi phía Tây giáp Lào. - Lãnh thổ kéo dài, hẹp	- Vai trò liên kết vùng kinh tế (Bắc Trung Bộ, ĐNB với Tây Nguyên) - Quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa. => Ý nghĩa kinh tế và an ninh quốc phòng biển đảo.	- Ngã ba biên giới, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.
<i>Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên</i>	- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh; phân hóa đa dạng (độ cao) - Khoáng sản giàu, rừng.	- Đất phù sa. - Mùa đông lạnh. - Khoáng sản (than nâu, đá...) - Biển.	- Giàu tài nguyên khoáng sản, rừng, biển, du lịch. - Khó khăn: thiên tai (mưa bão, cát bay).	- Nhiều vũng vịnh kín gió. - Vùng nước mặn nước lợ, ngư trường lớn. - Khoáng sản - Rừng	- Khí hậu nhiệt đới cận xích đạo. - Cao nguyên xếp tầng, đất badan màu mỡ. - Sông lớn có giá trị thủy điện.

	<ul style="list-style-type: none"> - Sông ngòi lớn. - Biên (Quảng Ninh) 			<ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn: hạn hán kéo dài, thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rừng, khoáng sản (bô- xít). - Khó khăn: mùa khô kéo dài.
<i>Đặc điểm dân cư- xã hội</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu dân tộc ít người. - Đời sống khó khăn, trình độ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư đông nhất cả nước. - Mật độ dân số cao nhất - Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời. - Các đô thị: Hà Nội, Hải Phòng 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có truyền thống cần cù, dũng cảm. - Phía Tây là địa bàn cư trú của dân tộc ít người, đời sống còn khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khác biệt giữa phía tây và phía đông. - Phía tây là địa bàn cư trú của dân tộc ít người đời sống còn khó khăn. - Người dân có tính cần cù, kiên cường, giàu kinh nghiệm phòng chống thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người. - Thừa dân nhất nước ta. - Đời sống người dân đang được cải thiện.
<i>Tình hình phát triển kinh tế</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp: năng lượng, khai khoáng. - Trồng cây CN, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu ngành KT chuyên dịch tích cực (tăng tỉ trọng CN – XD và dịch vụ) - Vùng chuyên canh lương thực lớn thứ 2, trình độ thâm canh cao. - Vụ đông đang trở thành vụ sx chính. - Vật nuôi: lợn, bò sữa - Thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều triển vọng nhờ phát huy tốt các thế mạnh tự nhiên, dân cư, XH + NN: đầu tư thâm canh cây lương thực, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, thủy sản. + CN: khai khoáng, vật liệu xây dựng, chế biến. + Dịch vụ: du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy thế mạnh kinh tế biển + NN: ngư nghiệp, sx muối, chế biến thủy sản. + CN: bước đầu hình thành cơ cấu CN khá đa dạng. + Dịch vụ: vận tải (bắc – nam, hải cảng); du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng công nghiệp hóa + NN: phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. (vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn); lâm nghiệp + CN: tỉ trọng thấp, đang chuyển biến tích cực (thủy điện, chế biến nông – lâm sản) + Dịch vụ: du lịch, xuất khẩu nông sản.
<i>Các trung tâm kinh tế</i>	Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ	- Hà Nội, Hải Phòng	Thanh Hóa, Vinh, Huế	- Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.	Plây Ku, Buôn Ma Thuật, Đà Lạt.

- Vùng kinh tế trọng điểm	Long, Lạng Sơn.	- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có vai trò quan trọng.		- Vùng KTTĐ miền Trung tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	
---------------------------	-----------------	---	--	---	--

————— **HẾT** —————